VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 412/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030" (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hoàn thiện, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trên cơ sở khoa học, công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo thuận lợi để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư, góp phần giảm chi phí huy động vốn, giảm mức rủi ro tín dụng quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2030 đạt mức xếp hạng tín nhiệm từ Baa3 (đối với Moody's) hoặc BBB- (đối với S&P và Fitch) trở lên.

- Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế vĩ mô: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cả giai đoạn khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP.

- Các chỉ tiêu về tài khóa: Kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước được Quốc hội phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm, phấn đấu bội chi ngân sách nhà nước đến năm 2030 khoảng 3% GDP; nợ công không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP.

- Các chỉ tiêu lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu các ngân hàng thương mại giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11 - 12%; đến năm 2030 duy trì tối thiểu 12%; tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản có rủi ro của khối ngân hàng ở mức tối thiểu 9%; duy trì mức dự trữ ngoại hối tương đương với tối thiểu 16 tuần nhập khẩu.

- Các chỉ tiêu chủ yếu về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Các chỉ tiêu chủ yếu về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%; giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

2. Các giải pháp chủ yếu

a) Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn 5 năm.

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội, điều hành chính sách tài chính - ngân sách nhà nước, tiền tệ, nợ công, đầu tư công theo các kế hoạch 5 năm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; tiếp tục phát huy tiềm năng tăng trưởng và cải thiện các chỉ số kinh tế, bao gồm chỉ tiêu GDP bình quân đầu người trong trung và dài hạn.

- Duy trì năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đa dạng hóa và xây dựng năng lực cạnh tranh trong chuỗi cung ứng công nghệ và sản xuất công nghiệp có giá trị gia tăng cao.

- Triệt để khai thác lợi thế của các hiệp định thương mại, củng cố vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, góp phần thu hút có chọn lọc dòng vốn FDI.

- Nâng cao năng suất và chất lượng nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, tối ưu hóa lực lượng lao động trẻ đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

b) Cải thiện chất lượng thể chế, quản trị, tăng cường công khai, minh bạch dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tham gia chủ động, theo dõi sát để cải thiện điểm số Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) và các xếp hạng toàn cầu khác về quản trị, môi trường kinh doanh, phát triển con người… trong dài hạn, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong

việc cải thiện năng lực thể chế, phản ánh tích cực trong kết quả xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

- Nâng cao các tiêu chuẩn công bố dữ liệu để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và thực tiễn tại các thị trường mới nổi. Cải thiện chất lượng và tính kịp thời của dữ liệu, tăng cường phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan điều hành kinh tế vĩ mô.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quan trọng và nền tảng kết nối, chia sẻ quốc gia.

c) Xây dựng nền tài chính công vững mạnh, mở rộng cơ sở thu bền vững để cải thiện các chỉ số nợ và thúc đẩy củng cố tài khóa.

- Tiếp tục củng cố nền tảng tài khóa lành mạnh, tập trung cải thiện điểm số về thu ngân sách thông qua hoàn thiện hệ thống chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thực tiễn, các cam kết hội nhập và thông lệ quốc tế tốt.

- Cải thiện các chỉ số tài khóa, giảm dần bội chi ngân sách nhà nước, tỷ lệ nợ công, nợ Chính phủ so với GDP.

- Tiếp tục tăng cường minh bạch chính sách tài khóa; đẩy mạnh việc quản lý, điều hành tài chính ngân sách theo trung hạn, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa kế hoạch đầu tư công trung hạn với kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm; thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, chương trình quản lý nợ công 3 năm theo quy định của luật pháp và thông lệ quốc tế; tăng cường áp dụng các thông lệ quốc tế tốt trong quản lý rủi ro danh mục nợ Chính phủ, đảm bảo vay nợ bền vững.

d) Cải thiện cơ cấu và chất lượng của khu vực ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước để giảm rủi ro nghĩa vụ nợ dự phòng đối với ngân sách nhà nước.

- Tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh, tiếp tục tái cấu trúc ngành ngân hàng, giảm thiểu rủi ro nợ xấu thông qua các biện pháp tăng cường vốn hóa các ngân hàng thương mại, cải thiện chất lượng tài sản và các khoản cho vay của ngân hàng, cải thiện tỷ lệ tài sản và nợ, đẩy mạnh tiến độ xử lý các tài sản có vấn đề/nợ xấu còn lại.

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về cấp tín dụng, mở rộng tín dụng hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ vào các lĩnh vực rủi ro cao.

- Theo dõi sát, đảm bảo mọi khoản vay Chính phủ bảo đảm được thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa.

- Tăng cường tính minh bạch, công khai dữ liệu của ngân hàng và doanh nghiệp để cải thiện khả năng dự báo về hiệu quả tài chính.

đ) Tăng cường hiệu quả, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia, tăng cường hợp tác với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và các tổ chức quốc tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, nhất là các biện pháp về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

- Tăng cường năng lực cán bộ, bố trí đội ngũ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp chuyên trách công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

- Tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế, tích cực tham vấn các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế, không ngừng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia, theo đó cải thiện chất lượng thông tin cung cấp, phương pháp làm việc với các cơ quan xếp hạng tín nhiệm để phản ảnh được thông tin tích cực về kinh tế vĩ mô, quản lý tài khóa, tiền tệ, nợ công.

- Xây dựng quy chế cung cấp thông tin cụ thể, cập nhật, có tính thời sự đối với các lĩnh vực như tình hình chính trị; đường lối, chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; các chính sách về tài khóa, tiền tệ, giá, thương mại, đầu tư, nợ công; kết quả cải cách hành chính và các thông tin theo yêu cầu của Bộ Tài chính để phục vụ công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Các Bộ, ngành có lộ trình tăng cường công bố, chia sẻ thông tin chi tiết hơn trên môi trường số.

- Chủ động cung cấp thông tin thường xuyên theo các kênh đa dạng để quảng bá về những kết quả tích cực trong điều hành kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng lịch biểu và định kỳ tổ chức đợt tiếp xúc tại Việt Nam và nước ngoài để quảng bá tới các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, cộng đồng nhà đầu tư, các tổ chức quốc tế; chủ động gặp và trao đổi với đại diện lãnh đạo cấp cao của Ủy ban đánh giá các tổ chức xếp hạng tín nhiệm nhân dịp các hội nghị quốc tế để phản ánh và cập nhật tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam.

- Nâng cao tính chủ động, tích cực, phối hợp đồng bộ giữa Bộ, ngành, tổ chức được giao chủ trì hoặc tham gia công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

- Nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, nhóm nòng cốt trong phối hợp tham gia công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giai đoạn thực hiện Đề án: Đề án được thực hiện gắn với quá trình triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn 5 năm và hằng năm.

2. Phân công triển khai.

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm năm năm đầu thực hiện Đề án vào năm 2026; chủ trì, phối hợp với các cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung Đề án khi cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia, tiếp nhận và xử lý các câu hỏi, đề nghị cung cấp thông tin liên quan từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức các hoạt động quảng bá tới nhà đầu tư, tổng hợp kết quả đánh giá báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì kiện toàn Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới hoạt động xếp hạng tín nhiệm quốc gia nhằm tăng cường công tác cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia có trách nhiệm:

- Cung cấp số liệu, thông tin liên quan phù hợp với chức năng nhiệm vụ định kỳ và theo yêu cầu, phục vụ cho công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

- Cử nhóm cán bộ nòng cốt tham gia Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ theo dõi công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Lãnh đạo cơ quan bố trí làm việc theo đề nghị của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm nhằm tăng cường chia sẻ thông tín về công tác chỉ đạo, điều hành của ngành, lĩnh vực liên quan.

- Phối hợp với Bộ Tài chính xử lý và giải trình các thông tin cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với các câu hỏi phát sinh sau các buổi làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm hoặc khi có đề nghị từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và thời gian.

- Phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo phân công.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ

đạo, tham gia thực hiện các nội dung liên quan của Đề án; chủ động phối hợp với Bộ Tài chính trong việc thực hiện các công việc liên quan đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia; chịu trách nhiệm cung cấp, giải trình đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Nguồn lực thực hiện Đề án: Kinh phí triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án được các cơ quan bố trí trong kế hoạch chi ngân sách nhà nước hằng năm, vận động hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái